

Số: **2496**/UBND-TH

Bình Định, ngày **28** tháng 6 năm 2013

V/v thỏa thuận danh
mục phân bổ vốn vay
Ngân hàng Phát triển
Việt Nam năm 2013.

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-BTC ngày 08/5/2013 của Bộ Tài chính về việc phân bổ mức vốn vay tín dụng ưu đãi để thực hiện các chương trình kiên cố hóa kênh mương, đầu tư các dự án đường giao thông nông thôn, trạm bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn năm 2013 theo Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, theo đó Bộ Tài chính cho ngân sách tỉnh Bình Định được vay 130 tỷ đồng để thực hiện các mục tiêu nêu trên.

Căn cứ Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐND ngày 18/8/2011 của HĐND tỉnh về chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2012-2015 trên địa bàn tỉnh;

Sau khi xem xét tình hình thực hiện và bố trí vốn cho các dự án, chương trình trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh thỏa thuận việc phân bổ chi tiết 130 tỷ đồng vốn vay Ngân hàng phát triển Việt Nam năm 2013 như sau:

1. Dự kiến cho huyện vay lại 30 tỷ đồng trong đó tập trung chủ yếu để các huyện đối ứng các dự án thuộc chương trình hỗ trợ xi măng cho các huyện bê tông hóa giao thông nông thôn.

2. Phần tỉnh bố trí: 100 tỷ đồng được phân bổ như sau:

a) Hỗ trợ xi măng cho các huyện, thị xã thực hiện bê tông hóa giao thông nông thôn: 25 tỷ đồng (đợt 1 đã bố trí 47, tỷ đồng, cả năm 2013 dự kiến 2 đợt là 72 tỷ đồng):

- Dự kiến nhu cầu xi măng năm 2013 tỉnh phải hỗ trợ cho chương trình là 37.575 tấn, ước khoảng 54,3 tỷ đồng.

- Tổng chi phí phải thanh toán cho Công ty Constrexim Bình Định năm 2012 là 47,7 tỷ đồng, trong đó năm 2012 đã thanh toán 30 tỷ đồng và còn nợ 17,7 tỷ đồng.

Như vậy: nhu cầu kế hoạch năm 2013 (54,3 tỷ đồng) và trả nợ 2012 (17,7 tỷ đồng) là 72 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ cho các huyện thực hiện kiên cố hóa kênh mương: 5 tỷ đồng, trong đó đợt 1 đã bố trí 5 tỷ đồng, tổng cộng là 10 tỷ đồng so với nhu cầu khoảng 15 tỷ đồng. Tuy nhiên đến nay đề án vẫn đang trong giai đoạn trình duyệt trong khi năm 2013 chỉ còn khoảng 1/2 thời gian. Vì vậy bố trí kinh phí hỗ trợ cho các huyện thực hiện kiên cố hóa kênh mương cho cả 2 đợt 10 tỷ đồng là phù hợp.

c) Hỗ trợ hạ tầng nuôi trồng thủy sản 2,2 tỷ đồng và hỗ trợ hạ tầng nghề nông thôn 3 tỷ đồng.

d) Hỗ trợ theo dự án: 64,8 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ các dự án bê tông hóa giao thông nông thôn là 41,6 tỷ đồng;
- Hỗ trợ các dự án kiên cố hóa kênh mương là 23,2 tỷ đồng.

Trong đó các dự án đều được bố trí đúng mục đích của nguồn vốn vay; có những dự án đang triển khai, đã được bố trí vốn cần tiếp tục được bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; các dự án mới đều là các dự án bức xúc phục vụ cho việc đi lại và tưới tiêu nông nghiệp của người dân địa phương (*Có Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến để UBND tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH.**



Lê Hữu Lộc



Phụ lục
DỰ KIẾN PHÂN BỐ VỐN VAY NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM NĂM 2013 (đợt 2)

(Kèm theo Công văn số **2496**/UBND-TH ngày **28/6/2013** của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn	KH vốn đợt 2
	TỔNG CỘNG					130.000
I	Tĩnh bảo lãnh cho huyện vay lại					30.000
II	Phần tính vay					100.000
A	Hỗ trợ bê tông hóa giao thông nông thôn					66.600
a	Hỗ trợ xi măng cho các huyện thực hiện bê tông hóa GTNT				47.000	25.000
b	Hỗ trợ theo dự án					41.600
1	BTXM tuyến đường Ân Đức đi thị trấn Tăng Bạt Hổ	Hoài Ân	4,5 Km	6.700	3.212	1.000
2	Đường Quán Á - Đồng Le (đoạn Quán Á - Đền tế trời đất)	Tây Sơn	2,6 Km	7.071	2.000	1.300
3	BTXM tuyến đường liên xã từ ĐT 632 (xã Mỹ Chánh Tây) đến xã Mỹ Tài	Phù Mỹ	2,8 Km	6.706	2.200	1.200
4	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường ĐT 632 (Km24+00 - Km33+00)	Phù Mỹ	9 Km	14.522	4.000	1.800
5	Cầu Trảy (tuyến Cát Thắng - Nhơn Hạnh)	An Nhơn, Phù Cát	36 m	18.500	13.500	2.000
6	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 630 nối với đường Tây tỉnh	Hoài Ân	6 Km	14.735	3.000	3.000
7	Đường đến trung tâm xã Đak Mang	Hoài Ân	3 Km	9.000	1.300	1.500
8	Đường giao thông nông thôn xã Canh Vinh	Vân Canh	3,3 Km	4.500	1.300	1.000
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636A đi cầu ông Bằng, xã Nhơn Hạnh	An Nhơn	3 Km	5.000	2.000	1.000
10	Cầu Sở Bắc (BTXM tuyến đường ĐT 635 đi Chánh Lý, xã Cát Tường)	Phù Cát	2,8 Km	8.500	2.200	1.500
11	Nâng cấp tuyến đường ĐT636B (đoạn từ cầu Vạn đến trường PTH số 2 Tuy Phước)	Tuy Phước	1,5 Km	7.000	1.500	1.500
12	Đường bao ven sông Kôn khu vực Thị trấn Vĩnh Thạnh (từ cầu đường ĐT 637 - Suối Cạn)	Vĩnh Thạnh	1,1 Km	5.200	1.300	1.000
13	Đường từ tỉnh lộ ĐT 634 vào làng dân tộc Sơn Lãnh, xã Cát Sơn	Phù Cát	4,9 km	6.285	1.500	1.500
14	Đường tỉnh lộ ĐT 638 (Diêu Trì - Mục Thịnh) giai đoạn 2	Vân Canh	8 Km	23.700	7.500	5.000
15	Đường giao thông Giao Hội 1, xã Hoài Tân	Hoài Nhơn	3 Km	1.800	900	500
16	Đường vào khu sản xuất xã Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh	2,1km	4.870	Dự án khởi công mới (từ số thứ tự 16 đến số thứ tự 24)	1.600
17	Bê tông GTNT xã Hoài Thanh	Hoài Nhơn	6,5 Km	6.500		1.300
18	Tuyến đường dọc kênh Lại Giang, thị trấn Bồng Sơn (đoạn từ nhà thờ Tin Lành đến cầu số 4)	Hoài Nhơn	1,2 Km	12.800		3.000
19	Cầu qua đất Bà Khi, xã Canh Thuận	Vân Canh	20 m	9.800		2.400
20	Nâng cấp, mở rộng đường vào cụm công nghiệp Phú An	Tây Sơn	1,7 Km	8.000		2.000

Số TT	CHỈ TIÊU	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn	KH vốn đợt 2
21	Cầu Lạc Điền Km15+004, tuyến ĐT 640 (Ông Đô - Cát Tiến)	Tuy Phước	30 m	6.500		1.500
22	Tuyến đường từ thôn Kiều Huyền đến thôn Kiều An, xã Cát Tân	Phù Cát	2 Km	4.000		1.200
23	Tuyến đường từ tỉnh lộ ĐT 634 vào Sơn Lâm, xã Cát Sơn	Phù Cát	1,2 Km + cầu trần	7.500		2.500
24	Tuyến đường Thiện Đức Hồ Tranh tiếp giáp với đường liên xã Tài Lương-Ka Công	Hoài Nhơn	1,7 Km	5.500		1.300
B	Hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương				5.000	28.200
a	Hỗ trợ cho các huyện					5.000
b	Hỗ trợ theo dự án					23.200
1	Kênh mương Lộc Đồng - Kiên Giang	Tây Sơn	2 Km	5.500	1.000	1.000
2	Bê tông kênh mương Đá Nhảy	An Lão	1,2 Km	4.500	1.300	1.000
3	Kiên cố hóa kênh mương hồ chứa nước Hóc Môn	Phù Mỹ	4 Km	5.500	1.400	1.000
4	Kênh mương Tà Loan, xã An Hưng	An Lão	6 Km	12.000	2.000	2.000
5	Kiên cố hóa kênh mương An Thành	Tuy Phước	4,2 km	6.408	2.300	1.000
6	Bê tông kênh mương xã Hoài Tân	Hoài Nhơn	4,45km	5.700	Dự án khởi công mới (từ số thứ tự 6 đến số thứ tự 15)	1.700
7	Bê tông kênh mương đập dâng Đồng Tranh	Hoài Ân	1,1 Km	3.200		1.100
8	BTXM kênh mương nội đồng xã Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh	7,3 Km	7.750		2.000
9	Kênh N2 hồ Núi Một (đoạn qua KCN Nhơn Hòa)	An Nhơn		10.000		2.000
10	Kênh cố hóa kênh tưới thuộc hồ chứa nước Hồ Giang, xã Hoài Châu	Hoài Nhơn	4,7km	5.000		1.500
11	Kênh mương nội đồng xã Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh	4,5km	5.200		1.500
12	Bê tông kênh mương từ N21 - Cổng Cây Bàng, xã Phước Nghĩa	Tuy Phước	3 Km	7.500		2.000
13	Kênh tiêu 3 huyện An Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát	3 huyện		25.000		2.900
14	Kiên cố hóa kênh mương Sơn Hòa, huyện Tuy Phước	Tuy Phước	4km	6.000		1.000
15	Bê tông hóa kênh tưới hồ chứa nước Văn Khánh Đức, xã Hoài Đức	Hoài Nhơn	3,5 Km	5.000		1.500
C	Cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản					2.200
1	Hệ thống kênh mương cấp nước nuôi trồng thủy sản xã Phước Thắng, Phước Hòa	Tuy Phước	325ha	8.545		2.200
D	Cơ sở hạ tầng làng nghề nông thôn					3.000